

Số: 44 /TB-SCT

Đắk Nông, ngày 28 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp

Thực hiện Quyết định số 182/QĐ-SCT ngày 03/11/2023 của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông về việc kiểm tra chấp hành quy định của pháp luật về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Quyết định số 193/QĐ-SCT ngày 08/11/2023 của Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh thời gian tiến hành kiểm tra theo Quyết định số 182/QĐ-SCT ngày 03/11/2023.

Từ ngày 20/11/2023 đến ngày 05/12/2023, Đoàn kiểm tra do Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an tỉnh (*Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ - PC07 và Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội - PC06*) đã tiến hành kiểm tra 07 doanh nghiệp hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) trên địa bàn tỉnh.

Xét Báo cáo kết quả kiểm tra số: 21/BC-ĐKT ngày 28/12/2023 của Đoàn kiểm tra số 182; Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông thông báo kết quả kiểm tra như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình tổ chức, hoạt động có liên quan đến nội dung kiểm tra của đối tượng kiểm tra

Đối tượng kiểm tra gồm có 07 doanh nghiệp sử dụng VLNCN vào mục đích khai thác đá, gồm: Công ty TNHH XD Nam Hải (Mỏ đá bazan Buôn Nui, xã Ea Pô, huyện Cư JúT); Công ty TNHH MTV Cà phê 15 (Mỏ đá bazan Đèo 52, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô); Công ty TNHH XD Thành Công (Mỏ đá bazan Thôn 5, xã Đắk Lao, huyện Đắk Mil; Mỏ đá bazan Bon Phai Kol Pru Đãng, xã Đắk Nia, thành phố Gia Nghĩa); Công ty TNHH XD Trường Hải (Mỏ đá bazan Đắk Toit, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song); Công ty TNHH Thoa Phúc (Mỏ đá bazan thôn Tân An và Mỏ đá bazan thôn Tân An mở rộng, xã Đắk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa); Chi nhánh VLN Miền Nam - Tổng Công ty Kinh tế kỹ thuật Công nghiệp quốc phòng (Đơn vị thực hiện dịch vụ nổ mìn tại 03 điểm: Mỏ đá bazan thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp; Mỏ đá bazan thôn 3, xã Kiến Thành, huyện Đắk R'lấp; Mỏ đá bazan Thôn Bù Đốp, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp); Chi nhánh công nghiệp Hoá chất mỏ Đắk Lắk (Đơn vị thực hiện dịch vụ nổ mìn tại 10 điểm: Mỏ đá bazan Jốc Du, xã Nam Nung, huyện Krông Nô; Mỏ đá bazan Đắk Ađior, xã Nâm N'Jang, huyện Đắk Song;



Mỏ đá bazan Thôn 2, xã Đăk Ha, huyện Đăk G'long; Mỏ đá bazan Bon Pinao, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp; Mỏ đá bazan 4A, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa; Mỏ đá bazan Thôn 11, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa; Mỏ đá bazan Hồ Kè, xã Đăk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa; Mỏ đá Gabro Đồi 982, xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức; Mỏ đá bazan Tiểu khu 1469, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức; Mỏ đá bazan Đồi 1, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức).

II. Kết quả kiểm tra

1. Về hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động VLNCN

Qua kiểm tra, các doanh nghiệp có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự theo quy định. Đối với 02 đơn vị có kho VLNCN (Công ty TNHH MTV Cà phê 15 và Công ty TNHH XD Trường Hải) có Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy đối với kho chứa VLNCN.

Đối với 02 đơn vị dịch vụ nổ mìn: Chi nhánh VLN Miền Nam - Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng và Chi nhánh công nghiệp HCM Đăk Lăk được Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường - Bộ Công Thương cấp Giấy phép dịch vụ nổ mìn và đơn vị có văn bản thông báo về việc sử dụng VLNCN tại các mỏ đá theo quy định.

Đối với các đơn vị sử dụng VLNCN: Công ty TNHH XD Nam Hải; Công ty TNHH XD Thành Công; Công ty TNHH XD Trường Hải; Công ty TNHH Thoa Phúc được Sở Công Thương tỉnh Đăk Nông cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Công ty TNHH MTV Cà phê 15 được Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và đã thông báo về việc sử dụng VLNCN theo quy định.

2. Về điều kiện người làm việc liên quan đến VLNCN

Về người làm việc liên quan đến VLNCN (Công ty TNHH XD Nam Hải: 04 người; Công ty TNHH MTV Cà phê 15: 09 người; Công ty TNHH XD Thành Công: 05 Người; Công ty TNHH XD Trường Hải: 06 người; Công ty TNHH Thoa Phúc: 05 người; Chi nhánh VLN Miền Nam - Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng: 10 người; Chi nhánh công nghiệp Hoá chất mỏ Đăk Lăk: 9 người).

Người quản lý, chỉ huy nổ mìn, quản lý kho, người phục vụ có trình độ chuyên môn, bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp và đã được huấn luyện kỹ thuật an toàn về VLNCN; huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động theo quy định và đã ký hợp đồng lao động đầy đủ với đơn vị sử dụng VLNCN.

3. Về Kho, bảo quản, xuất nhập, tiêu hủy VLNCN

Tại thời điểm kiểm tra có 02 đơn vị có kho VLNCN (Công ty TNHH MTV Cà phê 15; Công ty TNHH XD Trường Hải). Kho VLNCN đều được xây dựng theo đúng thiết kế đã được phê duyệt. Khoảng cách từ nhà kho đến các công trình lân cận đảm bảo các điều kiện an toàn. Hệ thống chống sét, phòng

cháy và chữa cháy, các trang thiết bị, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, được xây dựng và bố trí đầy đủ; xung quanh nhà kho có hàng rào bảo vệ; khoảng cách chống cháy đúng quy định. Đơn vị đã mở sổ theo dõi ca trực bảo vệ kho VLNCN, những người thực hiện ca trực đã ký nhận và bàn giao ca trực đầy đủ theo quy định.

Sắp xếp, bảo quản, xuất, nhập VLNCN trong kho, phân loại VLNCN theo đúng quy định. Sổ theo dõi được ghi chép đầy đủ, rõ ràng về số lượng, chủng loại VLNCN. Số lượng VLNCN thực tế tồn kho đúng với số liệu cập nhật trong sổ sách. Tổng số lượng VLNCN nhập, sử dụng và tồn kho đúng với số lượng VLNCN của đơn vị cung ứng; không có trường hợp VLNCN quá hạn, mất phẩm chất phải tiêu hủy.

Số lượng VLNCN xuất nhập từ ngày 01/11/2022 đến ngày 23/11/2023 đối với 02 đơn vị có kho VLNCN:

STT	Danh mục	ĐVT	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Tổng	Xuất trong kỳ	Tồn
I	Công ty TNHH MTV Cà phê 15						
1	Thuốc nổ						
	AD1 Ø80	Kg		1.488	1.488	1.488	00
	NT Ø80	Kg	516	7.512	8.028	5.548	2.480
2	Phụ kiện nổ						
	Kíp visai Ø4,5m	Cái	87	130	217	121	96
	Dây nổ	Mét	1.050	6.500	7.550	4.150	3.400
II	Công ty TNHH XD Trường Hải						
1	Thuốc nổ						
	AD1 Ø60	Kg	900	16.602	17.502	17.166	336
	NT Ø60	Kg	204	10.336	10.540	10.372	168
2	Phụ kiện nổ						
1	Kíp VS điện	Cái	302	4.870	5.172	5.052	120
2	Dây nổ	Mét	1.600	17.500	19.100	18.500	600

4. Về mua bán và vận chuyển VLNCN

Các đơn vị đều ký Hợp đồng mua bán và vận chuyển VLNCN với đơn vị cung ứng. Tại thời điểm kiểm tra các hợp đồng mua bán và vận chuyển VLNCN

còn hiệu lực thi hành; các hợp đồng có đầy đủ nội dung về số lượng, chủng loại VLNCN và thời gian thực hiện hợp đồng.

Việc vận chuyển VLNCN từ kho dự trữ (*kho của đơn vị cung ứng*) đến kho tiêu thụ (*kho của đơn vị sử dụng*) hoặc bãi khoan nổ (*đối với đơn vị nổ mìn theo hộ chiếu*) do đơn vị cung ứng thực hiện và được Phòng PC06 – Công an tỉnh Đắk Nông cấp giấy phép vận chuyển VLNCN theo quy định; Việc vận chuyển VLNCN từ kho bảo quản (*kho của đơn vị sử dụng*) đến bãi khoan nổ được vận chuyển bằng phương pháp thủ công do thợ mìn mang vác. Trong suốt quá trình vận chuyển VLNCN, luôn đảm bảo tuyệt đối an toàn, không để xảy ra tình trạng cháy nổ, mất cắp VLNCN.

5. Về việc sử dụng VLNCN

- Tổng khối lượng sử dụng VLNCN từ ngày 01/11/2022 đến ngày 31/10/2023:

TT	THUỐC NỔ (kg)			PHỤ KIỆN NỔ				
	Amonit (AĐ1)	Nhũ tương (NT)	ANFO	Kíp K8 (cái)	Kíp VS (cái)	Kíp VS phi điện (cái)	Dây nổ (m)	Mồi nổ (quả)
I	Công ty TNHH XD Nam Hải							
	21.968				813		10.000	
II	Công ty TNHH MTV Cà phê 15							
	1.488	5.548			121		4.150	
III	Công ty TNHH XD Thành Công							
1	Mỏ đá bazan Bon Phai Kol Pru Đăng							
		4.089	600		551		3.050	
2	Mỏ đá bazan Thôn 5, xã Đắk Lao							
		2.806	2.636		270		4.400	
IV	Công ty TNHH XD Trường Hải							
	17.166	10.372			5.052		18.500	
V	Công ty TNHH Thoa Phúc							
	12.976	17.842			680		13.000	
VI	CN VLN Miền Nam - Tổng Công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng							
1	Mỏ đá bazan thôn 13, xã Đắk Wer, huyện Đắk R'lấp							
	288	540	288		54		500	
2	Mỏ đá bazan thôn 3, xã Kiến Thành, huyện Đắk R'lấp: Không thực hiện nổ mìn							
3	Mỏ đá bazan thôn Bù Đốp, xã Nghĩa Thắng, huyện Đắk R'lấp							
		4.012			314		2.200	
VII	Chi nhánh Công nghiệp Hoá chất mỏ Đắk Lắk							
1	Mỏ đá bazan Jốc Du, xã Nam Nung, huyện Krông Nô							
	470	20.758	4.802	85		2.892		1.957
2	Mỏ đá bazan Đắk Adior, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song							
		10.360			556		4300	282
3	Mỏ đá bazan Thôn 2, xã Đắk Ha, huyện Đắk G'long							

TT	THUỐC NỔ (kg)			PHỤ KIỆN NỔ				
	Amonit (AĐ1)	Nhũ tương (NT)	ANFO	Kíp K8 (cái)	Kíp VS (cái)	Kíp VS phi điện (cái)	Dây nổ (m)	Môi nổ (quả)
		14.818		27	87	678	2.900	367
4	Mỏ đá bazan Bon Pinao, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp							
	2.415	4.519			556		5.000	
5	Mỏ đá bazan 4A, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa							
	2.190	18.978	1.710	32	460	1.684	4.050	1.095
6	Mỏ đá bazan Thôn 11, xã Đăk Nia, thành phố Gia Nghĩa							
	520	5.140	1.544		201		2.450	
7	Mỏ đá bazan Hồ Kè, xã Đăk R'Moan, thành phố Gia Nghĩa							
	1.594	17.868	1.878		778		7.750	
8	Mỏ đá Gabro Đồi 982, xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức							
		10.153	4.816		460		4.800	
9	Mỏ đá bazan Tiểu khu 1469, xã Quảng Trực, huyện Tuy Đức: Không thực hiện nổ mìn							
10	Mỏ đá bazan Đội 1, xã Đăk Ngo, huyện Tuy Đức							
		6.382	2.784		291		3.200	

- Việc lập hộ chiếu nổ mìn: Các đơn vị đã lập hộ chiếu nổ mìn đầy đủ nội dung, đúng mẫu theo quy định. Việc sử dụng VLNCN được thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp sử dụng VLNCN không nằm trong danh mục VLNCN được phép sử dụng; Không sử dụng VLNCN quá hạn; Thực hiện kiểm tra chất lượng VLNCN theo quy định trước khi sử dụng.

- Các thông số kỹ thuật khoan nổ mìn như: đường kính lỗ khoan (D), chiều sâu lỗ khoan (L), khoảng cách lỗ khoan (a), khoảng cách hàng lỗ khoan (b) ... phù hợp với nội dung Phương án khoan nổ mìn; đã thiết lập các biển báo, biển cảnh giới khu vực nổ mìn, các mốc xác định ranh giới phạm vi nổ mìn đúng theo quy định. Trang bị đầy đủ máy nổ mìn và máy đo điện trở kíp điện theo đúng quy định.

- Trang thiết bị dùng để cảnh báo khi nổ mìn: Loa, kêng, biển bảng, cờ cảnh báo. Việc di chuyển người, cảnh giới, cảnh gác an toàn được thực hiện nghiêm túc theo sự phân công của chỉ huy nổ mìn, nội dung phân công thể hiện đầy đủ tại từng hộ chiếu nổ mìn.

6. Về công tác đảm bảo an toàn trong hoạt động VLNCN

Các đơn vị đã xây dựng phương án nổ mìn; phương án ứng cứu tình huống khẩn cấp; nội quy lao động, nội quy an toàn; thực hiện báo cáo đánh giá nguy cơ rủi ro an toàn tại đơn vị. Có văn bản thông báo về thời gian và các tín hiệu nổ mìn cho chính quyền địa phương và người dân quanh khu vực sử dụng VLNCN. Khoảng cách ngăn cháy đảm bảo an toàn; thực hiện việc dọn, phát quang cây để

cháy trong khu vực vành đai an toàn; Đảm bảo bán kính an toàn nổ mìn theo quy định. Không có vụ tai nạn xảy ra.

7. Việc chấp hành chế độ báo cáo và lưu trữ hồ sơ việc sử dụng VLNCN

Các đơn vị đã chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng VLNCN và bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ theo quy định.

III. Kết luận

1. Ưu điểm

Các đơn vị được kiểm tra cơ bản chấp hành tốt các quy định tại Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương Quy định về Quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01: 2019/BCT.

Các đơn vị sử dụng VLNCN đều có đầy đủ hồ sơ pháp lý theo đúng quy định của pháp luật. Người làm việc liên quan đến VLNCN có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp, đã được huấn luyện kỹ thuật an toàn về VLNCN.

Đối với các đơn vị có kho VLNCN đã xây dựng lý lịch kho, phương án bảo vệ kho VLNCN, có phân công nhiệm vụ cho bảo vệ kho và mở sổ theo dõi trực bảo vệ kho VLNCN; xây dựng nội quy, chế độ bảo vệ canh gác; mở sổ theo dõi việc xuất, nhập, tồn VLNCN theo quy định; số liệu kiểm tra thực tế tại các kho VLNCN đúng với số liệu trong sổ theo dõi.

Thực hiện vận chuyển VLNCN theo đúng quy định; sử dụng VLNCN nằm trong danh mục cho phép; số lượng sử dụng không vượt quá quy mô cho phép; lập hộ chiếu theo mẫu quy định, ghi chép đầy đủ các nội dung; phương tiện phục vụ nổ mìn đã được kiểm định theo quy định.

Xây dựng phương án nổ mìn; phương án ứng cứu tình huống khẩn cấp; nội quy lao động, nội quy an toàn; thực hiện báo cáo đánh giá nguy cơ rủi ro an toàn tại đơn vị; thiết lập các biển báo, ký hiệu cảnh báo nguy hiểm tại ranh giới vùng nguy hiểm và khu vực bảo quản VLNCN; thiết lập các trạm gác khi nổ mìn; đảm bảo an toàn bán kính nổ mìn, vận chuyển VLNCN, vệ sinh lao động; có thông báo thời gian nổ mìn với chính quyền địa phương và thực hiện đúng thời gian nổ mìn; sử dụng VLNCN không để xảy ra mất an toàn. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

2. Hạn chế, tồn tại

Hệ thống biển cảnh báo, cảnh giới an toàn khu vực nổ mìn quanh khu vực mỏ đá của một số đơn vị đã cũ, bị mờ (*Công ty TNHH XD Thành Công; Công ty TNHH XD Trường Hải; Công ty TNHH Thoa Phúc; Chi nhánh VLN Miền Nam*

cháy trong khu vực vành đai an toàn; Đảm bảo bán kính an toàn nổ mìn theo quy định. Không có vụ tai nạn xảy ra.

7. Việc chấp hành chế độ báo cáo và lưu trữ hồ sơ việc sử dụng VLNCN

Các đơn vị đã chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng VLNCN và bảo quản, lưu trữ sổ sách, chứng từ theo quy định.

III. Kết luận

1. Ưu điểm

Các đơn vị được kiểm tra cơ bản chấp hành tốt các quy định tại Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương Quy định về Quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01: 2019/BCT.

Các đơn vị sử dụng VLNCN đều có đầy đủ hồ sơ pháp lý theo đúng quy định của pháp luật. Người làm việc liên quan đến VLNCN có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp, đã được huấn luyện kỹ thuật an toàn về VLNCN.

Đối với các đơn vị có kho VLNCN đã xây dựng lý lịch kho, phương án bảo vệ kho VLNCN, có phân công nhiệm vụ cho bảo vệ kho và mở sổ theo dõi trực bảo vệ kho VLNCN; xây dựng nội quy, chế độ bảo vệ canh gác; mở sổ theo dõi việc xuất, nhập, tồn VLNCN theo quy định; số liệu kiểm tra thực tế tại các kho VLNCN đúng với số liệu trong sổ theo dõi.

Thực hiện vận chuyển VLNCN theo đúng quy định; sử dụng VLNCN nằm trong danh mục cho phép; số lượng sử dụng không vượt quá quy mô cho phép; lập hộ chiếu theo mẫu quy định, ghi chép đầy đủ các nội dung; phương tiện phục vụ nổ mìn đã được kiểm định theo quy định.

Xây dựng phương án nổ mìn; phương án ứng cứu tình huống khẩn cấp; nội quy lao động, nội quy an toàn; thực hiện báo cáo đánh giá nguy cơ rủi ro an toàn tại đơn vị; thiết lập các biển báo, ký hiệu cảnh báo nguy hiểm tại ranh giới vùng nguy hiểm và khu vực bảo quản VLNCN; thiết lập các trạm gác khi nổ mìn; đảm bảo an toàn bán kính nổ mìn, vận chuyển VLNCN, vệ sinh lao động; có thông báo thời gian nổ mìn với chính quyền địa phương và thực hiện đúng thời gian nổ mìn; sử dụng VLNCN không để xảy ra mất an toàn. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

2. Hạn chế, tồn tại

Hệ thống biển cảnh báo, cảnh giới an toàn khu vực nổ mìn quanh khu vực mỏ đá của một số đơn vị đã cũ, bị mờ (*Công ty TNHH XD Thành Công; Công ty TNHH XD Trường Hải; Công ty TNHH Thoá Phúc; Chi nhánh VLN Miền Nam*

- Tổng công ty kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc phòng và Chi nhánh công nghiệp HCM Đắc Lắc); Chưa thực hiện thu gom bao bì, vật liệu dễ cháy sau khi thực hiện nổ mìn (Công ty TNHH MTV Cà phê 15; Công ty TNHH XD Thành Công; Công ty TNHH XD Trường Hải).

IV. Biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng: Không

V. Kiến nghị biện pháp xử lý

Đề việc sử dụng VLNCN trên địa bàn tỉnh đi vào nề nếp, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước, Giám đốc Sở Công Thương đề nghị:

1. Đối với các đơn vị được kiểm tra: Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động VLNCN: Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 14/2017/QH14 ngày 20/6/2017; Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương Quy định về Quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01: 2019/BCT; công tác an toàn lao động và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật.

Kịp thời sửa chữa, thay thế, bổ sung các biển cảnh báo đã cũ, bị mờ; thực hiện thu gom bao bì, vật liệu dễ cháy sau khi thực hiện nổ mìn để đảm bảo an toàn, vệ sinh bãi nổ.

2. Phòng Quản lý Công nghiệp - Sở Công Thương tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về hoạt động VLNCN đối với các đơn vị có hoạt động VLNCN trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các đơn vị trong việc khắc phục các tồn tại hạn chế mà Đoàn kiểm tra đã chỉ ra.

3. Thanh tra Sở Công Thương tổ chức theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị của Đoàn kiểm tra.

Trên đây là Thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, Giám đốc Sở Công Thương yêu cầu các đơn vị được kiểm tra và các phòng, đơn vị có liên quan nghiêm túc thực hiện./

Nơi nhận:

- Các đơn vị được kiểm tra;
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Công an tỉnh (PC06, PC07);
- Phòng QLCN;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: TTr, VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Dương Thị Quỳnh Mai